

DANH SÁCH HỌC SINH THI LẠI HỌC KÌ 2 (2010 - 2011) KHOÁ 21 CHÍNH QUY

Môn thi: QUẢN TRỊ HỌC

Phòng thi : B1

Giờ thi: **13g00**

Ngày thi: 27/07/2011

Giám thị: 1/ C. Mai Trang

2/ C. Chi Thảo

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	Số tờ	Ký tên	TBKT	Điểm thi lại	Điểm tổng kết	GHI CHÚ
1	Trịnh Hùng An	13/05/91	NT21	✓	✓	0.0			Vắng
2	Lê Hoàng Anh	18/03/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
3	Nguyễn Phúc Chinh	16/04/90	NT21	✓	✓	5.0			✓
4	Trương Thị Thùy Dung	01/01/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
5	Nguyễn Trường Duy	20/07/89	NT21	✓	✓	5.0			✓
6	Đỗ Anh Đào	25/02/90	NT21		<i>[Signature]</i>	6.0	6	6	
7	Phạm Quốc Thiên Đạt	25/04/91	NT21		<i>[Signature]</i>	5.0	7	6	
8	Nguyễn Tấn Điền	27/06/89	NT21	✓	✓	0.0			✓
9	Nguyễn Thành Được	30/03/90	NT21		<i>[Signature]</i>	5.0	5	5	không may quên tờ
10	Nguyễn Thị Gấm	02/08/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
11	Trần Mỹ Hào	07/05/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
12	Nguyễn Kim Thê Hiên	12/04/85	NT21	✓	✓	0.0			✓
13	Lê Phùng Hiếu	24/02/91	NT21		<i>[Signature]</i>	0.0	7	3,5	
14	Hoàng Văn Hùng	19/12/88	NT21	✓	✓	6.0			✓
15	Phạm Thị Thanh Huyền	05/11/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
16	Lý Ngọc Huỳnh	12/12/91	NT21	✓	✓	6.0			✓
17	Tiên Kiều	28/02/90	NT21		<i>[Signature]</i>	6.0	8	7	
18	Phan Tuấn Khanh	06/08/90	NT21	✓	✓	5.0			✓
19	Đặng Thị Thùy Linh	20/02/89	NT21		<i>[Signature]</i>	7.0	6	6,5	
20	Nguyễn Hương Linh	05/06/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
21	Nguyễn Mai Tùng Lĩnh	22/09/90	NT21		<i>[Signature]</i>	6.0	7	6,5	
22	Huỳnh Thị Kim Ngân	26/02/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
23	Nguyễn Hiếu Nghĩa	13/12/91	NT21	✓	✓	0.0			✓
24	Lý Thị Bảo Ngọc	01/04/89	NT21	✓	✓	0.0			✓
25	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	23/11/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
26	Nguyễn Quốc Ngọc	12/09/91	NT21	✓	✓	0.0			✓
27	Hà Văn Nhật	07/02/90	NT21	✓	✓	8.0			✓
28	Nguyễn Minh Nhựt	05/10/91	NT21	✓	✓	0.0			✓

ST	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	Số tờ	Ký tên	TBKT	Điểm thi lại	Điểm tổng kết	GHI CHÚ
29	Nguyễn Hữu Phi	04/08/92	NT21			6.0	5	5,5	
30	Nguyễn Mỹ Phụng	12/05/92	NT21			5.0	6	5,5	
31	Lê Anh Phương	28/06/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
32	Hồ Minh Phương	10/10/91	NT21	✓		0.0	5	2,5	
33	Nguyễn Lý Minh Quân	26/06/90	NT21			6.0	6	6	
34	Hà Anh Quân	27/01/89	NT21	✓	✓	3.0			✓
35	Nguyễn Hoàng Quân	10/11/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
36	Lê Ngọc Tánh	17/04/91	NT21			6.0	6	6	
37	Huỳnh Văn Tâm	25/12/89	NT21	✓	✓	0.0			✓
38	Trần Thị Thủy Tiên	22/11/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
39	Huỳnh Thị Kim Tiên	10/11/92	NT21	✓	✓	2.0			✓
40	Võ Minh Tuấn	01/08/90	NT21			5.0	5	5	
41	Thiệu Hồng Thanh	10/08/92	NT21			6.0	6	6	
42	Nguyễn Thị Thu Thảo	28/02/90	NT21	✓	✓	5.0			✓
43	Phạm Thị Phương Thảo	10/10/92	NT21	✓	✓	6.0			✓
44	Nguyễn Minh Thảo	22/01/88	NT21			6.0	4	5	
45	Nguyễn Thị Xuân Thảo	17/01/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
46	Trần Hữu Thiện	06/02/87	NT21			5.0	7	6	
47	Nguyễn Quốc Thịnh	24/12/92	NT21	✓	✓	0.0			✓
48	Trần Văn Thịnh	09/10/90	NT21	✓	✓	5.0			✓
49	Phan Hồng Anh Thy	07/06/90	NT21	✓	✓	0.0			✓
50	Huỳnh Thị Trúc	10/09/92	NT21			6.0	7	6,5	
51	Nguyễn Thị Hồng Trúc	20/06/91	NT21			7.0	6	6,5	
52	Mai Minh Trung	09/10/90	NT21	✓	✓	6.0			✓
53	Nguyễn Phước Trương	14/10/90	NT21			5.0	5	5	
54	Mã Minh Xuân	09/05/91	NT21	✓	✓	6.0			✓
55									
56									
57									
58									

Tổng số bài: 19

Tổng số tờ: 19

GIẢNG VIÊN CHĂM 1

GIẢNG VIÊN CHĂM 2

Đặc Văn Đạt